

Thời gian : 09h00 - 28/12/2008

HỌC KỲ : 7

LẦN THI : 1

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ
				C	T	K	V	H	G	CN	N	E	SỐ	CHỮ		
				10	10			15			10	55				
1	K11.455.1069	Dương Thị Hoàng Anh	K11KKT1	8	8			8			8	7	7	Bảy		
2	K11.455.1076	Huỳnh Thy Ngọc Bích	K11KKT1	10	8			7			8	8	8	Tám		
3	K11.455.1079	Lê Thị Thu Diệp	K11KKT1	10	8			8			8	8	8	Tám		
4	K11.455.1084	Nguyễn Thị Dung	K11KKT1	10	10			10			10	9	9	9	Chín	
5	K11.455.1089	Phan Thị Thu Hà	K11KKT1	8	8			8			9	9	9	Chín		
6	K11.455.1094	Đậu Thị Hiền	K11KKT1	10	8			7			9	8	8	Tám		
7	K11.455.1097	Đoàn Thị Thu Hiền	K11KKT1	10	8			10			9	9	9	Chín		
8	K11.455.1105	Phan Thị Mỹ Hoàng	K11KKT1	10	8			8			8	8	8	Tám		
9	K11.455.1110	Võ Thị Hoa Huệ	K11KKT1	10	8			5			8	6	7	Bảy		
10	K11.455.1120	Phạm Thị Hương	K11KKT1	10	8			8			8	8	8	Tám		
11	K11.455.1124	Đinh Quốc Khánh	K11KKT1	9	8			7			9	7	8	Tám		
12	K11.455.1127	Hồ Thị Lan	K11KKT1	7	8			7			8	6	7	Bảy		
13	K11.455.1137	Nguyễn Hồng Linh	K11KKT1	10	10			10			10	8	9	Chín		
14	K11.455.1138	Phan Thị Hồng Loan	K11KKT1	0	0			0			0	P	P	Nợ HP		
15	K11.455.1147	Nguyễn Văn Mão	K11KKT1	7	8			9			9	8	8	Tám		
16	K11.455.1166	Nguyễn Thị Nhàn	K11KKT1	10	8			9			8	7	8	Tám		
17	K11.455.1170	Phan Thị Tuyết Nhung	K11KKT1	5	8			8			9	8	8	Tám		
18	K11.455.1175	Nguyễn Thị Phát	K11KKT1	8	8			8			8	6	7	Bảy		
19	K11.455.1177	Hồ Thị Phương	K11KKT1	10	8			7			9	8	8	Tám		
20	K11.455.1180	Phạm Hồng Thanh Phương	K11KKT1	7	8			8			8	7	7	Bảy		
21	K11.455.1181	Trần Lê Phương	K11KKT1	8	8			8			8	8	8	Tám		
22	K11.455.1182	Trương Thị Hoài Phương	K11KKT1	10	10			9			9	7	8	Tám		
23	K11.455.1187	Nguyễn Thị Thuý Phương	K11KKT1	5	8			8			9	5	6	Sáu		
24	K11.455.1192	Đào Thị Quỳnh	K11KKT1	8	8			8			8	7	7	Bảy		
25	K11.455.1194	Lê Thị Nga Sâm	K11KKT1	10	8			8			8	7	8	Tám		
26	K11.455.1196	Trần Duy Thanh	K11KKT1	10	10			7			8	8	8	Tám		
27	K11.455.1197	Vũ Đức Thành	K11KKT1	7	8			8			8	8	8	Tám		
28	K11.455.1201	Đỗ Thị Thu	K11KKT1	8	8			9			8	9	9	Chín		
29	K11.455.1207	Ngô Văn Thắng	K11KKT1	10	10			7			8	9	9	Chín		
30	K11.455.1208	Nguyễn Thị Mỹ Thơ	K11KKT1	10	8			8			8	9	9	Chín		
31	K11.455.1209	Nguyễn Thị Thư	K11KKT1	10	9			8			8	6	7	Bảy		
32	K11.455.1213	Nguyễn Xuân Toàn	K11KKT1	5	5			5			8	6	6	Sáu		
33	K11.455.1217	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	K11KKT1	7	8			3			8	7	7	Bảy		
34	K11.455.1226	Phạm Trịnh Thanh Tuyền	K11KKT1	10	8			8			9	8	8	Tám		
35	K11.455.1227	Nguyễn Trọng Tuấn	K11KKT1	8	8			7			8	8	8	Tám		
36	K11.455.1228	Tống Văn Tuấn	K11KKT1	10	8			5			8	7	7	Bảy		
37	K11.455.1233	Nguyễn Thị Hồng Tươi	K11KKT1	8	8			8			8	8	8	Tám		

Thời gian : 09h00 - 28/12/2008

HỌC KỲ : 7

LẦN THI : 1

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ
				C	T	K	V	H	G	CN	N	E	SỐ	CHỮ		
				10	10			15			10	55				
38	K11.455.1238	Trần Thị Tường Vy	K11KKT1	7	8			7			8	8	8	Tám		
39	K11.455.1241	Nguyễn Đình Văn	K11KKT1	5	5			3			8	6	6	Sáu		
40	K11.455.1330	Bùi Thị Bích Ngọc	K11KKT1	10	8			8			8	8	8	Tám		
41	K11.455.1354	Phùng Đăng Sanh	K11KKT1	8	8			8			8	5	6	Sáu		
42	K11.455.1373	Nguyễn Thị Thạo	K11KKT1	10	8			9			8	6	7	Bảy		
43	K11.455.1425	Trương Thị Tường Vy	K11KKT1	9	8			7			8	6	7	Bảy		
44	K11.455.1821	Trần Thị Thu Duyên	K11KKT1	8	8			9			9	9	9	Chín		
45	K10.455.0493	Phạm Công Bảo	K11KKT2	3	8			4			8	5	5	Năm		
46	K10.455.0598	Hà Văn Phúc	K11KKT2	3	8			3			8	4	5	Năm		
47	K10.455.0618	Bùi Thị Thu Thảo	K11KKT2	5	7			7			8	3	5	Năm		
48	K10.455.9161	Võ Trần Vương	K11KKT2	5	8			7			8	5	6	Sáu		
49	K11.455.1070	Hoàng Anh	K11KKT2	5	8			6			8	5	6	Sáu		
50	K11.455.1072	Trần Thị Vân Anh	K11KKT2	10	8			7			8	9	9	Chín		
51	K11.455.1073	Lê Thị Vân Anh	K11KKT2	10	8			8			8	7	8	Tám		
52	K11.455.1075	Vũ Đức Anh	K11KKT2	9	9			7			8	8	8	Tám		
53	K11.455.1077	Nguyễn Văn Chánh	K11KKT2	10	9			10			8	8	9	Chín		
54	K11.455.1081	Hoàng Thị Dung	K11KKT2	10	9			9			8	9	9	Chín		
55	K11.455.1082	Hoàng Thị Hà Dung	K11KKT2	9	8			7			8	8	8	Tám		
56	K11.455.1086	Nguyễn Trần Duy	K11KKT2	6	9			7			8	8	8	Tám		
57	K11.455.1087	Nguyễn Anh Dũng	K11KKT2	10	10			9			8	7	8	Tám		
58	K11.455.1088	Nguyễn Lê Hà	K11KKT2	10	9			10			8	9	9	Chín		
59	K11.455.1090	Đặng Văn Hà	K11KKT2	10	9			8			8	9	9	Chín		
60	K11.455.1091	Nguyễn Thị Ngân Hà	K11KKT2	8	8			9			8	8	8	Tám		
61	K11.455.1096	Nguyễn Thị Thanh Hiền	K11KKT2	10	8			7			8	8	8	Tám		
62	K11.455.1101	Nguyễn Thị Minh Hoà	K11KKT2	10	10			9			10	7	8	Tám		
63	K11.455.1106	Nguyễn Quốc Huy	K11KKT2	6	8			7			8	8	8	Tám		
64	K11.455.1113	Phạm Thị Hồng	K11KKT2	10	8			8			8	8	8	Tám		
65	K11.455.1117	Nguyễn Việt Hằng	K11KKT2	10	9			10			8	8	9	Chín		
66	K11.455.1126	Đỗ Thị Thuý Kiều	K11KKT2	10	9			9			8	8	8	Tám		
67	K11.455.1131	Lương Thị Li	K11KKT2	10	9			10			8	8	9	Chín		
68	K11.455.1140	Hoàng Phước Long	K11KKT2	5	8			7			8	8	8	Tám		
69	K11.455.1144	Nguyễn Thị Hồng Lơ	K11KKT2	10	8			8			8	8	8	Tám		
70	K11.455.1145	Nguyễn Tấn Lợi	K11KKT2	5	8			7			8	7	7	Bảy		
71	K11.455.1146	Đinh Thị Mai	K11KKT2	10	10			9			10	8	9	Chín		
72	K11.455.1167	Võ Thị Nhi	K11KKT2	10	9			8			8	9	9	Chín		
73	K11.455.1173	Lương Thị Oanh	K11KKT2	9	8			10			8	7	8	Tám		
74	K11.455.1176	Hoàng Văn Phi	K11KKT2	8	8			7			8	7	7	Bảy		

Thời gian : 09h00 - 28/12/2008

HỌC KỲ : 7

LẦN THI : 1

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ
				C	T	K	V	H	G	CN	N	E	SỐ	CHỮ		
				10	10			15			10	55				
75	K11.455.1178	Lê Thị Mai	Phương	K11KKT2	10	9			10			8	9	9	Chín	
76	K11.455.1206	Hoàng Thị Thu	Thủy	K11KKT2	10	9			10			8	9	9	Chín	
77	K11.455.1210	Hà Thị Hoài	Thương	K11KKT2	10	9			8			8	8	8	Tám	
78	K11.455.1214	Đỗ Thị	Toán	K11KKT2	10	9			10			9	8	9	Chín	
79	K11.455.1223	Huỳnh Thị Huyền	Trâm	K11KKT2	9	9			8			8	8	8	Tám	
80	K11.455.1231	Hồ Trương Công	Tâm	K11KKT2	5	8			5			8	2	4	Bốn	
81	K11.455.1235	Hà	Việt	K11KKT2	5	8			7			8	4	5	Năm	
82	K11.455.1237	Phạm Thị	Việt	K11KKT2	10	9			10			8	7	8	Tám	
83	K11.455.1240	Phan Thị Mỹ	Vân	K11KKT2	10	9			10			8	7	8	Tám	
84	K11.455.1244	Nguyễn Thành	Đông	K11KKT2	9	10			8			8	7	8	Tám	
85	K11.455.1315	Trần Thị Mai	Ly	K11KKT2	6	9			8			8	5	6	Sáu	
86	K11.455.1371	Nguyễn Thị Hương	Thảo	K11KKT2	10	10			9			10	9	9	Chín	
87	K11.455.1391	Lê Nữ Hoàng	Trang	K11KKT2	10	9			7			8	6	7	Bảy	
88	K11.455.1092	Vũ Thị	Hải	K11KKT3	10	8			8			8	8	8	Tám	
89	K11.455.1095	Lê Thị Thanh	Hiền	K11KKT3	10	9			7			7	8	8	Tám	
90	K11.455.1098	Triệu Thị Ngọc	Hiền	K11KKT3	10	8			7			8	9	9	Chín	
91	K11.455.1099	Hoàng Thị Kim	Hoa	K11KKT3	10	9			10			10	9	9	Chín	
92	K11.455.1107	Lê Thị Diệu	Huyền	K11KKT3	10	8			7			7	8	8	Tám	
93	K11.455.1114	Phạm Thị Thanh	Hồng	K11KKT3	10	8			8			7	7	8	Tám	
94	K11.455.1123	Vũ Nguyệt	Khánh	K11KKT3	10	8			8			9	8	8	Tám	
95	K11.455.1129	Nguyễn Thị Diệu	Lan	K11KKT3	10	9			8			7	8	8	Tám	
96	K11.455.1133	Lữ Thị Khánh	Linh	K11KKT3	10	8			8			8	9	9	Chín	
97	K11.455.1135	Nguyễn Thị Diệu	Linh	K11KKT3	10	9			8			9	7	8	Tám	
98	K11.455.1136	Hồ Thị Bích	Liên	K11KKT3	10	8			8			7	7	8	Tám	
99	K11.455.1139	Phạm Thị Kim	Loan	K11KKT3	10	8			8			8	7	8	Tám	
100	K11.455.1141	Nguyễn Thanh	Luật	K11KKT3	8	8			8			7	8	8	Tám	
101	K11.455.1143	Trần Thị	Lệ	K11KKT3	10	8			8			7	8	8	Tám	
102	K11.455.1149	Hoàng Trường	Minh	K11KKT3	8	8			8			7	7	7	Bảy	
103	K11.455.1153	Nguyễn Thị Thanh	Nga	K11KKT3	10	8			7			9	8	8	Tám	
104	K11.455.1155	Lương Thị Ánh	Nga	K11KKT3	10	8			8			9	7	8	Tám	
105	K11.455.1158	Nguyễn Lê Khánh	Ngọc	K11KKT3	8	9			8			7	7	7	Bảy	
106	K11.455.1164	Hoàng Nữ Tuyết	Ngân	K11KKT3	10	10			10			10	9	9	Chín	
107	K11.455.1165	Nguyễn Thị	Ngân	K11KKT3	10	9			8			9	7	8	Tám	
108	K11.455.1168	Huỳnh Thị Cẩm	Nhung	K11KKT3	10	8			8			8	8	8	Tám	
109	K11.455.1172	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	K11KKT3	10	8			8			7	8	8	Tám	
110	K11.455.1179	Lê Thị Quỳnh	Phương	K11KKT3	10	9			8			7	7	8	Tám	
111	K11.455.1184	Lý Võ Linh	Phương	K11KKT3	10	8			8			7	8	8	Tám	

Thời gian : 09h00 - 28/12/2008

HỌC KỲ : 7

LẦN THI : 1

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP									ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ	
				C	T	K	V	H	G	CN	N	E	SỐ	CHỮ		
				10	10			15			10	55				
112	K11.455.1186	Đỗ Thị Linh	Phượng	K11KKT3	8	8			8			7	7	7	Bảy	
113	K11.455.1188	Đỗ Thị Thuý	Phượng	K11KKT3	10	8			8			7	6	7	Bảy	
114	K11.455.1191	Võ Thị Thuý	Quỳnh	K11KKT3	9	9			7			7	7	7	Bảy	
115	K11.455.1193	Nguyễn Thị Mỹ	Sen	K11KKT3	10	8			8			7	5	6	Sáu	
116	K11.455.1199	Phùng Thị Thu	Thảo	K11KKT3	8	8			8			7	7	7	Bảy	
117	K11.455.1203	Nguyễn Lâm Thanh	Thuý	K11KKT3	10	9			10			8	8	9	Chín	
118	K11.455.1204	Nguyễn Thị Thanh	Thuý	K11KKT3	8	8			8			7	6	7	Bảy	
119	K11.455.1211	Trần Ngọc Hoài	Thương	K11KKT3	9	9			8			7	7	8	Tám	
120	K11.455.1216	Nguyễn Thị Huyền	Trang	K11KKT3	10	8			10			7	8	8	Tám	
121	K11.455.1218	Đặng Thị Lan	Trình	K11KKT3	6	8			8			7	7	7	Bảy	
122	K11.455.1219	Phạm Khánh	Trình	K11KKT3	2	8			6			7	5	5	Năm	
123	K11.455.1221	Hồ Minh	Trí	K11KKT3	8	8			8			7	6	7	Bảy	
124	K11.455.1222	Huỳnh Hải	Trúc	K11KKT3	5	8			7			7	4	5	Năm	
125	K11.455.1224	Tôn Nữ Huyền	Trần	K11KKT3	4	8			7			7	7	7	Bảy	
126	K11.455.1225	Nguyễn Văn	Trường	K11KKT3	3	8			8			7	3	5	Năm	
127	K11.455.1230	Đỗ Thị Thanh	Tâm	K11KKT3	10	9			8			7	8	8	Tám	
128	K11.455.1236	Nguyễn Thanh	Việt	K11KKT3	8	8			8			8	8	8	Tám	
129	K11.455.1242	Đặng Thị Bích	Xuân	K11KKT3	10	10			10			10	9	9	Chín	
130	K10.455.8563	Nguyễn Khắc	Ngọc	K11KKT4	0	0			0			0	P	P	Nợ HP	
131	K11.455.1067	Nguyễn Thị Thuý	An	K11KKT4	8	8			8			7	7	7	Bảy	
132	K11.455.1071	Mai Tú	Anh	K11KKT4	10	9			8			7	7	8	Tám	
133	K11.455.1080	Hoàng	Dung	K11KKT4	7	9			7			8	7	7	Bảy	
134	K11.455.1085	Nguyễn Thị Thuý	Dung	K11KKT4	9	8			10			7	6	7	Bảy	
135	K11.455.1093	Phạm Thị Ngọc	Hạnh	K11KKT4	10	9			8			7	7	8	Tám	
136	K11.455.1102	Nguyễn Thị Thanh	Hoà	K11KKT4	10	9			8			8	8	8	Tám	
137	K11.455.1104	Đặng Thị	Hoài	K11KKT4	10	9			8			7	9	9	Chín	
138	K11.455.1108	Nguyễn Xuân Diệu	Huyền	K11KKT4	8	8			7			8	V	V	Vắng	
139	K11.455.1109	Phan Thị Thanh	Huyền	K11KKT4	10	8			9			7	8	8	Tám	
140	K11.455.1115	Võ Thị Ánh	Hồng	K11KKT4	9	9			8			7	7	8	Tám	
141	K11.455.1118	Trịnh Thị Thanh	Hằng	K11KKT4	10	8			7			7	6	7	Bảy	
142	K11.455.1119	Phạm Thị Thu	Hằng	K11KKT4	8	8			8			7	7	7	Bảy	
143	K11.455.1121	Văn Thị Diễm	Hương	K11KKT4	10	9			8			7	7	8	Tám	
144	K11.455.1128	Lê Thị Hương	Lan	K11KKT4	10	9			10			10	8	9	Chín	
145	K11.455.1130	Đặng Thị Phương	Lan	K11KKT4	10	9			8			8	8	8	Tám	
146	K11.455.1132	Lê Thị Hoài	Linh	K11KKT4	9	9			8			8	8	8	Tám	
147	K11.455.1134	Nguyễn Ngọc Diệu	Linh	K11KKT4	10	9			9			7	9	9	Chín	
148	K11.455.1142	Nguyễn Thị Kim	Lý	K11KKT4	10	8			8			7	6	7	Bảy	

Thời gian : 09h00 - 28/12/2008

HỌC KỲ : 7
LẦN THI : 1

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ
				C	T	K	V	H	G	CN	N	E	SỐ	CHỮ		
				10	10			15			10	55				
149	K11.455.1148	Đào Thị Minh	K11KKT4	10	9			7			7	8	8	Tám		
150	K11.455.1150	Mai Thị Miên	K11KKT4	10	8			8			7	9	9	Chín		
151	K11.455.1152	Hoàng Thị Nga	K11KKT4	10	9			10			9	8	9	Chín		
152	K11.455.1154	Lê Thị Bích Nga	K11KKT4	8	8			8			7	7	7	Bảy		
153	K11.455.1157	Lê Thị Bích Ngọc	K11KKT4	10	10			10			10	9	9	Chín		
154	K11.455.1159	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	K11KKT4	9	9			8			7	6	7	Bảy		
155	K11.455.1160	Hoàng Thị Bình Nguyên	K11KKT4	10	9			8			7	7	8	Tám		
156	K11.455.1161	Nguyễn Thị Thái Nguyên	K11KKT4	10	9			8			8	8	8	Tám		
157	K11.455.1163	Đặng Thị Thảo Nguyên	K11KKT4	10	9			10			8	7	8	Tám		
158	K11.455.1171	Lê Đỗ Huỳnh Như	K11KKT4	10	10			10			10	9	9	Chín		
159	K11.455.1183	Đoàn Ngọc Phương	K11KKT4	8	8			7			7	6	7	Bảy		
160	K11.455.1189	Lê Thị Hoàng Quyên	K11KKT4	10	9			8			7	8	8	Tám		
161	K11.455.1190	Lê Thị Hoàng Quyên	K11KKT4	6	8			7			8	6	7	Bảy		
162	K11.455.1198	Nguyễn Thị Thanh Thảo	K11KKT4	10	8			8			7	7	8	Tám		
163	K11.455.1202	Dương Thị Hoài Thu	K11KKT4	9	8			7			7	6	7	Bảy		
164	K11.455.1205	Vũ Thị Thuỷ	K11KKT4	9	9			9			7	7	8	Tám		
165	K11.455.1212	Nguyễn Thị Hoài Thương	K11KKT4	10	8			7			7	6	7	Bảy		
166	K11.455.1220	Phan Võ Diệu Trí	K11KKT4	10	8			8			7	8	8	Tám		
167	K11.455.1232	Võ Thị Minh Tâm	K11KKT4	10	9			6			7	8	8	Tám		
168	K11.455.1239	Nguyễn Thị Y Vân	K11KKT4	10	8			8			7	8	8	Tám		
169	K11.455.1374	Phạm Huỳnh Anh Thi	K11KKT4	9	8			7			7	3	5	Năm		

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtu@yahoo.com.vn để điều chỉnh.